

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 126/2021/HS-PT
Ngày 22 -10-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Huy Cường.

Các Thẩm phán: Ông Lê Quân Vương.

Ông Trương Văn Lộc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Minh Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:
Bà Ngô Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 10 năm 2021 tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 154/2021/TLPT-HS ngày 11 tháng 8 năm 2021 đối với bị cáo Nguyễn Văn H do có kháng cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 51/2021/HS-ST ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh B.

- Bị cáo có kháng cáo: Nguyễn Văn H sinh năm 1987 tại tỉnh T; nơi đăng ký HKTT: thôn 3 P, xã L, huyện X, tỉnh T; nơi cư trú: số 48, đường DJ5, khu phố 3B, phường T, thị xã B, tỉnh D; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ học vấn: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1951 và bà Thái Thị Q, sinh năm 1954; có vợ là bà Lê Thị O và có 02 người con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 08/5/2012 bị Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh T xử phạt 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 tại Bản án hình sự sơ thẩm số 45/2012/HS-ST ngày 08/5/2012 (chấp hành xong thời gian thử thách ngày 21/11/2014); ngày 20/4/2020 bị bắt tạm giam đến ngày 26/4/2020 được thay đổi sang biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại (có mặt).

Trong vụ án còn có 07 bị cáo, 17 bị hại và 11 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan do không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Văn S, Nguyễn Thống T, Nguyễn Tuấn N, Phan Văn A và Nguyễn Trung U là các đối tượng nghiện ma túy, không có nghề nghiệp, thường tụ tập cùng nhau. Từ tháng 01/2020, đến tháng 4/2020 các bị cáo đã thực hiện 17 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Dầu Tiếng với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 50.290.000 đồng cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Do Nguyễn Tuấn N và Nguyễn Thống T thực hiện;

Khoảng tháng 01/2020, Nguyễn Tuấn N (Mon), chạy xe đạp chở Nguyễn Thống T đến nhà ông Nguyễn Bá M. Thấy trước nhà ông M có để một xe mô tô, Cúp 50cc, màu xanh rêu, biển số: 53XC – 1815 không có người trông coi nên Hùng đi bộ vào lấy trộm, sau đó đem bán cho ông Trần Quốc W, sinh năm 1979, ngụ ấp T, xã L, huyện D, tỉnh B với giá 800.000 đồng (khi bán N nói là xe của N), sử dụng tiêu xài và sử dụng ma túy chung.

Vụ thứ hai: Do Nguyễn Trung U và Nguyễn Thống T thực hiện;

Khoảng cuối tháng 01/2020, Nguyễn Trung U, điều khiển xe mô tô biển số 61H1 – 509.56 chở Nguyễn Thống T đi xung quanh khu vực xã L để tìm tài sản trộm cắp bán lấy tiền tiêu xài. Khi đi đến nhà của ông Trịnh Viết T thì U và T thấy 01 mooc lồi dạng tự chế, có kích thước: Cao khoảng 01 mét, rộng khoảng 1,2 mét, dài khoảng 02 mét của ông Trịnh Viết T để phía trước nhà ông K (ông K là anh ruột của ông T), T kêu U lấy trộm mooc lồi này bán lấy tiền xài. U đồng ý, sau đó T đi bộ vô dùng tay kéo mooc lồi ra ngoài đường rồi ngồi sau xe mô tô do U điều khiển, sau đó bán cho một người thu mua ve chai N (không rõ nhân thân, lai lịch) được 200.000 đồng, rồi cả hai tiêu xài chung.

Vụ thứ ba: Do Nguyễn Thống T, Nguyễn Trung U, Phạm Văn S thực hiện;

Khoảng đầu tháng 02/2020, Nguyễn Thống T, điều khiển xe Wave mượn của Y (chưa rõ lai lịch) đi trộm cắp tài sản. Khi đến ấp L, xã H, huyện D, T phát hiện ông Võ Quốc G đang nằm ngủ bên lề đường, kế bên ông G là chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn đỏ đen bạc, biển số: 61H1 – 429.08. T điều khiển xe về phòng trọ chở Nguyễn Hữu Lợi O (Xì hao) đến gần nơi ông G nằm ngủ, rồi nói với O anh về trước đi. Tiếp đó, Thiện đi bộ lại lấy trộm xe mô tô của ông G về phòng trọ cất, đến chiều hôm sau T và Nguyễn Trung U mang xe đã trộm được đi bán, nhưng bị công an phường H, thành phố M tạm giữ xe vì không có giấy tờ. Sau đó T nói với Phạm Văn S về việc bị Công an phường H giữ xe mô tô 61H1 – 429.08 thì S đi làm một Giấy chứng nhận đăng ký giả rồi đến Công an phường H lấy xe trên ra. Đến sáng ngày 18/3/2020, S bán xe trên cho Nguyễn Văn H với giá 9.500.000 đồng, S giữ và tiêu xài cá nhân hết. Đến chiều ngày 18/3/2020 Nguyễn Văn H bán xe trên cho Nguyễn Hồng S1 với giá 11.700.000 đồng và S1 bán xe trên cho một người (không rõ lai lịch) tại huyện T, tỉnh N với số tiền 12.400.000 đồng.

Vụ thứ tư: Do Phạm Văn S, Nguyễn Thống T, Nguyễn Long V và Phan Văn X thực hiện;

Khoảng 04 giờ ngày 11/2/2020 Phạm Văn S điều khiển xe mô tô biển số: 70H9-2851 chở Nguyễn Thống T và Nguyễn Long V, đến nhà bà Phùng Thị U. Thấy trước nhà bà U có một xe mô tô Dream biển số 61T3 – 9391 và một xe đạp điện màu xanh không có người trông coi. T đi bộ vào lấy trộm xe mô tô Dream, còn V lấy trộm xe đạp điện nhãn hiệu Azibmx. Sau đó S, T và V mang xe đạp điện bán cho ông Võ Phương P với giá 3.000.000 đồng (khi bán nói là xe của S). Còn chiếc xe mô tô biển số 61T3 – 9391, Sao nhờ Phan Văn X (khi nhờ S không nói cho X biết chiếc xe do trộm cắp mà có) đem đi bán ở thị xã Bến Cát giá 1.900.000 đồng (một triệu chín trăm ngàn đồng), tiêu xài chung.

Vụ thứ năm: Do Nguyễn Trung U, và đối tượng I (chưa rõ nhân thân, lai lịch) thực hiện;

Khoảng đầu tháng 3/2020, Nguyễn Trung U, điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Dream không rõ biển số của bạn tên I (chưa rõ nhân thân lai lịch), chở I đi xung quanh khu vực xã L chơi và khi đến nhà ông Nguyễn Ngọc M quan sát thấy nhà ông M có nuôi 01 con chim Cu gáy, quan sát thấy không có người ở nhà nên I đi bộ vào lấy trộm 01 con chim Cu gáy cùng 01 cái lồng nuôi, sau đó đem bán cho Trần Văn A được 300.000 đồng, U và I chia đôi số tiền, mỗi người được 150.000 đồng.

Vụ thứ sáu: Do Nguyễn Trung U, và đối tượng X (chưa rõ nhân thân, lai lịch) thực hiện

Khoảng buổi trưa, sau 01 ngày khi thực hiện vụ trộm chim Cu gáy ở nhà ông A, vào đầu tháng 3/2020, Nguyễn Trung U, điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Dream không rõ biển số của bạn tên I (chưa rõ nhân thân lai lịch), chở I đi xung quanh khu vực xã L chơi và khi đến nhà ông Ngô Thanh S quan sát thấy nhà ông S có nuôi 01 con chim Cu gáy, quan sát thấy không có người ở nhà nên I đi bộ vào lấy trộm 01 con chim Cu gáy cùng 01 cái lồng nuôi, sau đó đem bán cho người thanh niên tên F (không rõ nhân thân, lai lịch) ngụ xã L, huyện D được 300.000 đồng, U và I mua ma túy sử dụng và tiêu xài chung.

Vụ thứ bảy: Do Phạm Văn S và Phan Văn X cùng thực hiện;

Khoảng 01 giờ ngày 15/3/2020, Phạm Văn S điều khiển xe mô tô Wave, biển số: 70H9-2851 chở Phan Văn X, đến nhà ông Nguyễn Anh K thì phát hiện phía trước nhà ông K có 01 xe mô tô, nhãn hiệu: Stream, màu sơn đỏ, biển số 61F4 – 3187, X đi bộ vào lấy trộm và điều khiển xe về nhà cất giấu. Sau đó, S mang xe đã trộm được nhờ bạn Nguyễn Bửu R cầm cố được 1.500.000 đồng (khi nhờ thì S không nói cho R biết là xe trộm cắp) và R mượn luôn số tiền này của S.

Vụ thứ tám: Do Nguyễn Trung U và Nguyễn Thống T thực hiện;

Khoảng 22 giờ, ngày 15/3/2020 Nguyễn Trung U điều khiển xe mô tô biển số 61H1 – 509.56 chở Nguyễn Thống T đến phòng trọ của bà Ngô Mộng

Y. Thiện đi bộ vào phòng trọ lấy trộm một điện thoại Realme C2 màu xanh, sau đó cả hai mang đi cầm tại dịch vụ cầm đồ “Bình Trí”, do ông Huỳnh Văn C, được 500.000 đồng, tiêu xài chung.

Vụ thứ chín: Do Nguyễn Trung U và Nguyễn Thống T thực hiện;

Khoảng 11 giờ ngày 17/3/2020, Nguyễn Trung U, điều khiển xe mô tô biển số 61H1 – 509.56 chở Nguyễn Thống T, đi xung quanh khu vực xã L và khi đến nhà của ông Nguyễn Ngọc B thì thấy trong nhà ông B có 02 lồng chim nuôi 01 chim Khứu và 01 chim Họa Mi, quan sát thấy không có người ở nhà nên T đi bộ vào lấy trộm 01 con chim Khứu cùng 01 lồng nuôi và 01 con chim Họa Mi cùng 01 lồng nuôi đi ra xe, U điều khiển chở T chạy đi gặp 01 người đàn ông không rõ tên, địa chỉ ở xã L bán 01 con chim Khứu và 01 con chim Họa Mi được số tiền 2.200.000 đồng và chia U, T mỗi người 1.100.000 đồng, tiêu xài hết.

Vụ thứ mười: Do Nguyễn Trung U và Phạm Văn S thực hiện

Khoảng 05 giờ 30 phút, ngày 30/3/2020 Nguyễn Trung U, đi bộ đến nhà ông Nguyễn Danh J. U đột nhập vào nhà ông J lấy trộm một điện thoại Samsung A10, màu đen. Sau đó đưa cho Phạm Văn S bán cho 01 người không rõ lai lịch được 1.000.000 đồng, cả hai tiêu xài hết (S không biết điện thoại là do trộm được).

Vụ thứ mười một: Do Nguyễn Thống T và Vũ Văn Q thực hiện;

Khoảng 01 giờ ngày 31/3/2020, Nguyễn Thống T AND TỈNH BD điều khiển xe mô tô hiệu Honda chở Vũ Văn Q (Cu ke) đến xã M, huyện D để trộm cắp tài sản. Khi đến nhà ông Tô Văn F thì Q đi bộ vào lấy trộm một điện thoại di động Samsung J7 Pro màu đen để ở thềm nhà. Sau đó Q bán điện thoại đã trộm được cho ông Nguyễn Huỳnh G (chủ tiệm điện thoại G) tại ấp T, xã L được 800.000 đồng, tiêu xài cá nhân hết.

Vụ thứ mười hai: Do Nguyễn Trung U và Nguyễn Thống T thực hiện;

Khoảng 00 giờ, ngày 02/4/2020 Nguyễn Trung U điều khiển xe mô tô biển số 61H1 – 509.56 chở Nguyễn Thống T đi trộm cắp tài sản. Khi đến nhà ông Danh H thấy ông H đang ngủ say và trên bàn kê bên chỗ ông H ngủ có 01 một điện thoại di động Samsung A30 màu đen nên T đi bộ vào lấy trộm điện thoại rồi đi ra ngoài. Sau đó, cả hai mang đi cầm tại dịch vụ cầm đồ “Bình R” do ông Huỳnh Văn B được 500.000 đồng, tiêu xài chung.

Vụ thứ mười ba: Do Phạm Văn S và Nguyễn Tuấn N thực hiện;

Khoảng 14 giờ ngày 02/4/2020, Phạm Văn S, điều khiển xe mô tô Wave biển số: 70H9-2851 chở Nguyễn Tuấn N đến ấp T, xã L, huyện D thì phát hiện ông Phan Tấn T để xe mô tô, nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu sơn đen trắng, biển số 61G1 – 034.60 có sẵn chìa khóa ở lề đường. S xuống lấy trộm xe trên và điều khiển về phòng trọ tại phường M, thị xã B. Sau đó, S bán xe này cho người tên L (ở phường T, thị xã B) với giá 3.200.000 đồng, cả 2 tiêu xài và mua ma túy sử dụng chung.

Vụ thứ mười bốn: Do Nguyễn Trung U và Nguyễn Thống T thực hiện;

Khoảng 00 ngày 03/4/2020 Nguyễn Trung H, điều khiển xe mô tô biển số 61H1 – 509.56 chở Nguyễn Thống T đi trộm cắp tài sản. Khi đến nhà ông Trần Quốc Y thì H vào sân nhà ông Y lấy trộm một xe mô tô biển số 59E1 – 036.92 nhưng do xe không có chìa khóa nên không khởi động máy xe để chạy mà U ngồi trên xe để T điều khiển xe mô tô biển số 61H1 – 509.56 của U chạy đẩy xe mô tô biển số 59E1–036.92. Sau đó, U liên hệ bằng điện thoại cho Phạm Văn S, để hỏi bán chiếc xe mô tô biển số 59E1–036.92, U nói cho S biết chiếc xe mô tô biển số 59E1 – 036.92 là do U và T vừa lấy trộm được, S nghe và đồng ý hẹn mua. S hẹn U đem xe đến khu vực xã A, huyện D để S xem xe rồi mua. Sau đó, U và T chạy đẩy xe nhau đến đoạn đường thuộc địa phận xã A, huyện D hướng đi đến vòng xoay xã Đ, thị xã B và gặp S cùng Nguyễn Long V, đi xe mô tô Wave màu đỏ, biển số: 70H9-2851 của S. Tại đây, S xem xe mô tô biển số 59E1–036.92 do T và U trộm được, S đồng ý mua và nói là đem xe mô tô biển số 59E1–036.92 về nhà của bạn tên Võ Phương TH. Cả nhóm đồng ý và cùng khiêng xe mô tô biển số 59E1–036.92 lên xe mô tô của S, sau đó TH điều khiển xe mô tô Wave màu đỏ, biển số 70H9-2851 của S chở S ngồi giữ xe, còn U điều khiển xe mô tô biển số 61H1 – 509.56 chở T cùng đi đến nhà của Võ Phương TH. Khi đến nhà của Võ Phương TH thì S và H thỏa thuận giá tiền mua bán chiếc xe mô tô biển số 59E1–036.92, S đồng ý mua với số tiền 700.000 đồng, U nghe và đồng ý, S trả đủ tiền cho H. Đối với việc Phạm Văn S mua xe biển số 59E1–036.92, Nguyễn Long V và Võ Phương TH không biết nên không đề cập xử lý.

Vụ thứ mười lăm và vụ thứ mười sáu: Do Phạm Văn S, Nguyễn Tuấn N và Nguyễn Trung U thực hiện;

Khoảng 23 giờ ngày 07/4/2020, Phạm Văn S, điều khiển xe mô tô Wave biển số 70H9-2851 chở Nguyễn Tuấn N đi từ thị xã B về xã L, huyện D. Khi đi đến nhà ông Nguyễn Văn D thì S phát hiện phía trước hiên nhà có để 01 cái mooc lôi tự chế, S nói với N đi vào lấy trộm cái mooc lôi này, N đi vào và lấy trộm cái mooc lôi kéo ra đường, S điều khiển xe mô tô biển số: 70H9-2851 chở N ngồi phía sau dùng tay kéo theo mooc lôi đi đến khu vực đường Hồ Chí Minh thuộc xã L và cả 02 đem cất giấu cái mooc lôi này trong bụi cây rồi đi về nhà trọ của N tại xã L, huyện D. Khoảng 02 giờ ngày 08/4/2020, khi S điều khiển xe mô tô Wave 70H9-2851 chở H đi qua phòng trọ của ông Trần Văn V thì N phát hiện phía trước phòng trọ của ông V có 01 xe mô tô cup 50 màu xanh, loại Cánh én (không có biển số) nên N nói với S để N vào lấy trộm xe mô tô này. N vào lấy trộm được xe mô tô Cup 50, cánh én rồi chạy về chỗ cất giấu mooc lôi trộm được trước đó để cất giấu nhưng do bị thùng lớp sau nên N chạy xe Cup 50 cánh én và S chạy xe mô tô Wave của S đến 01 tiệm sửa xe mô tô ở xã T để vá lốp xe. Sau đó, S và H đi mua sắt và hàn thành 01 cái cốt để kéo mooc lôi, xong quay lại chỗ cất giấu mooc lôi trên đường Hồ Chí Minh để S kéo về nhà trọ của mình tại phường T, thị xã B, tỉnh D. Tiếp đó, N nhờ bạn tên Nguyễn Trung U (U không biết xe trộm được) chở N đến lấy xe mô tô Cup 50 cánh én mà N và S

trộm được đem đi bán cho 01 người phụ nữ mua ve chai dạo được 520.000 đồng, N tiêu xài hết; còn cái mooc lô, sau khi S đem về phòng trọ thì Cơ quan điều tra phát hiện bắt giữ S và thu giữ vật chứng nêu trên.

Bản kết luận định giá tài sản số: 19/KL-HĐĐG, ngày 24/4/2020 Hội đồng định giá tài sản huyện D kết luận: 01 cái mooc lô tự chế cao 01 mét, rộng 1.2 mét, dài 02 mét, bằng sắt có hai bánh xe (loại bánh xe mô tô), trị giá: 700.000 đồng.

Vụ thứ mười bảy: Do Nguyễn Trung U thực hiện.

Khoảng 06 giờ ngày 16/4/2020, Nguyễn Trung U, điều khiển xe mô tô biển số 61H1 – 509.56 đi trộm cắp tài sản. Khi đến nhà ông Đặng Quốc H1 phát hiện gia đình ông H1 đang ngủ U đi vào nhà ông H1 lấy trộm một điện thoại di động Oppo F7 và một điện thoại di động Nokia 150, U lấy điện thoại di động Nokia 150 đưa cho bạn tên R1 (không rõ nhân thân, lai lịch) để cản trừ số tiền U nợ Tới là 150.000 đồng.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D đã thu giữ các đồ vật, tài sản liên quan đến vụ án gồm:

Thu giữ của Nguyễn Thống T: 01 xe mô tô hiệu Honda, loại Vario, màu Vàng không có biển số, số khung: MH1JM5110LK – 523874, số máy: Không.

Thu giữ của Nguyễn Trung U: 01 xe mô tô hiệu Honda, loại AIR BLADE, biển số 61H1 – 509.56, số máy: JFGSE-2506205, do Lê Thị Thanh H2, sinh năm 1978, cư trú tại ấp L, xã H, huyện D, tỉnh B đứng tên chủ sở hữu; 01 (Một) điện thoại di động Oppo F7, màu xanh đen; Imei 1: 869604033916379; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 150 màu đen, số sê ri 1: 356974092385380 của Nguyễn Trung U.

Thu giữ của Phạm Văn S: 01 xe mô tô, loại Wave, màu sơn xanh, không biển số, số máy: GPTXH152FMH-00027678, số khung: không; 01 xe mô tô, loại Wave, màu sơn xanh, biển số 61H2 - 7179, số máy: LC152FMH-01685090, số khung: ES110-20005090; 01 xe mô tô, loại Honda 67, biển số 76HA - 8831, số máy: không, số khung: SS5028666; 01 mooc lô tự chế.

Thu của Nguyễn Hồng S1: 01 xe mô tô, nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu sơn xanh đen, biển số 83P3 – 582.99, số máy: E3X9E378770, số khung: 3210JY159721; 01 xe mô tô, nhãn hiệu Honda, loại Wave, màu sơn trắng đen bạc, biển số 15K1-400.95, số máy: JA39E0847716, số khung: 391XJY001870; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave, màu sơn trắng bạc đen, biển số 68L1 – 206.53, số máy: JA39E0848631, số khung: 3914JY002741; 01 xe mô tô, nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu sơn: trắng đen, biển số 81B1 – 639.19, số máy: 1FC3102773, số khung: FC30FY102880; 01 xe mô tô, nhãn hiệu Honda, loại Wave, màu sơn trắng đen bạc, biển số 68N1 – 229.77, số máy: JA39E0513522, số khung: 3909HY538358; 01 xe ô tô tải biển số 60C – 417.28, màu xanh; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy biển số: 15K1-400.95 (bản chính); 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy biển số 68L1-206.53 (bản chính);

01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy biển số 68N1-299.77 (bản chính) và tiền thu lợi bất chính là 700.000 đồng.

Thu giữ của Nguyễn Văn H tiền thu lợi bất chính 2.200.000 đồng.

Công an phường T, thành phố M, tỉnh B bàn giao 01 xe mô tô, Max, màu sơn đỏ, biển số: không, số máy: VZF152FMH-233202, số khung: RNGDCH2UMA-1003802.

Công an xã P, thị xã B, tỉnh B bàn giao, 01 mooc lôi tự chế và 01 xe Cup 50 màu sơn đỏ, biển số 70H1- 058.34, số máy: VDG1P52FMH – 024854, số khung: C70-7046377.

Công an phường Đ, thành phố T, tỉnh B bàn giao 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius, màu đen - trắng, biển số 52Y2-9074, số máy 430993, số khung BY430997.

Thu giữ 01 cái lồng nuôi chim cu gáy, do Trần Văn A giao nộp.

Thu giữ 01 xe đạp điện màu xanh nhãn hiệu Azibmx của bà Trần Thị H3 giao nộp.

Thu giữ 01 điện thoại di động Samsung A10, màu đen, số imei 1: 357966103177714 do Nguyễn Đức L1 giao nộp.

Thu giữ 01 điện thoại di động Samsung J7 pro, màu đen, bị nứt màn hình, số Imei: 353317/09/942645/5 do Nguyễn Huỳnh G giao nộp.

Thu giữ của Nguyễn Bửu R, sinh năm 1994 ngụ khu phố 1, phường H, thành phố T, tỉnh B 01 xe mô tô loại Wave, màu sơn đỏ, biển số: 70H9-2851, số máy: 20309772.

Thu giữ của Nguyễn Thị Thu T1, sinh năm 1977, cư trú tại ấp L, xã H, huyện D, tỉnh B 01 xe mô tô, nhãn hiệu Honda, dung tích xi lanh 49, màu xanh, biển số không có, số máy: C50E – 9140221, số khung: C50 – 9140094.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 51/2021/HS-ST ngày 06 tháng 7 năm 2021, Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh B đã quyết định:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn S, Nguyễn Thống T, Nguyễn Tuấn N, Nguyễn Trung U, Phan Văn X, Nguyễn Long V phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Các bị cáo Phạm Văn S, Nguyễn Văn H, Nguyễn Hồng S1 phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

2. Về hình phạt:

2.1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 55, Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Văn S:

- Xử phạt bị cáo Phạm Văn S 01 (một) năm (09) chín tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và 08 (tám) tháng tù về tội “tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Phạm Văn S phải chấp hành

hình phạt chung là 02 (hai) năm 05 (năm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/4/2020.

2.2. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thông T, Nguyễn Trung U:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thông T 01 (một) năm 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/4/2020.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung U 01 (một) năm 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/4/2020.

2.3. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h, g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Tuấn N:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn N 01 (một) năm 08 (tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/4/2020.

2.4. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Bộ luật Hình sự; Điều 328 Bộ luật Tố tụng Hình sự đối với bị cáo Phan Văn X:

- Xử phạt bị cáo Phan Văn X 01 (một) năm 02 (hai) tháng 19 (mười chín) ngày tù, được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 17/4/2020 đến ngày 06/7/2021 (bị cáo đã chấp hành xong).

Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Phan Văn X nếu bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam về một tội phạm khác.

2.5. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Long V:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Long V 10 (mười) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

2.6. Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn H:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 08 (tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

2.7. Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 323; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Hồng S1:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng S1 03 (ba) năm 04 (bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 09/7/2021, bị cáo Nguyễn Văn H có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến: Tội danh, điều luật mà Tòa án cấp sơ thẩm xét xử đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Xét yêu cầu kháng cáo của bị cáo: Bị cáo biết rõ xe mô tô biển số 61H1 – 429.08, là do Phạm Văn S trộm cắp mà có nhưng vẫn đồng ý mua lại với mục đích kiếm lời, tiếp tay cho tội phạm trộm cắp tài sản, bị cáo có nhân thân xấu, từng bị Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh T xét xử về hành vi trộm cắp tài sản nhưng bị cáo không rút kinh nghiệm mà lại tiếp tục phạm tội. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ có cha là ông Nguyễn Văn G1 là người có công với cách mạng (thương binh hạng 2/4, tỷ lệ thương tật 61%) tuy nhiên mức hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm quyết định đối với bị cáo là phù hợp. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ y bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Văn H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội thể hiện sự ăn năn hối cải và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Bị cáo Nguyễn Văn H nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp, bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, có con nhỏ, quá trình điều tra bị cáo đã liên hệ với bị hại để bồi thường, khắc phục hậu quả, bị hại đã đồng ý không khiếu nại gì về sau, bị cáo bị bệnh, cha bị cáo có công với Nhà nước, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ mong Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu kháng của bị cáo để bị cáo có cơ hội tiếp tục lao động chăm sóc cho gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo được thực hiện trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, lời khai của bị cáo thống nhất với nội dung vụ án đã nêu trên, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã đủ cơ sở kết luận: Ngày 18/3/2020, bị cáo Nguyễn Văn H biết rõ xe mô tô biển số 61H1 – 429.08, là do Phạm Văn S phạm tội mà có nhưng vẫn đồng ý mua lại với giá 9.500.000 đồng để bán lại cho Nguyễn Hồng S1 với giá 11.700.000 đồng, số tiền H thu lợi bất chính trong vụ án này là 2.200.000 đồng.

[3] Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn H là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa phương. Về nhận thức, bị cáo nhận thức được hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, thể hiện ý thức xem thường pháp luật và bất chấp hậu quả. Bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình theo quy định của pháp luật. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Tiêu thụ

tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo trình bày bị cáo có cha là ông Nguyễn Văn G1 là người có công với cách mạng (thương binh hạng 2/4, tỷ lệ thương tật 61%) nhưng chưa được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, xét thấy đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Tuy nhiên, mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là không nặng, phù hợp với tính chất mức độ phạm tội của bị cáo, mức hình phạt này nhằm răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho gia đình, xã hội đồng thời đáp ứng được yêu cầu công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm. Do đó, yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo của bị cáo là không có cơ sở chấp nhận.

[5] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tại phiên tòa là phù hợp.

[6] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; do kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 344, điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355 và Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự,

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn H.
2. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 51/2021/HS-ST ngày 06/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh B như sau:

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm b,s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 08 (tám) tháng tù về tội “ Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án trừ thời gian tạm giữ từ ngày 20/4/2020 đến ngày 26/4/2020.

3. Án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Nguyễn Văn H phải nộp 200.000 đồng.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (Vụ Giám đốc Kiểm tra I);
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Phòng Hồ sơ – Công an tỉnh Bình Dương;
- Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh B (2);
- Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh B;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện D, tỉnh B;
- Bị cáo (1);
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh B;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bị cáo cư trú (thay văn bản thông báo);
- Lưu VP (3), hồ sơ vụ án, ĐTMH, 16.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Huy Cường